

Số: 40/NQ-HĐND

Bắc Yên, ngày 02 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương
và phương án phân bổ ngân sách bổ sung năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi và giao bổ sung dự toán kinh phí sự nghiệp chương trình 30a thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2020 giao tại Quyết định số 2999/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Sơn La về phương án điều hành và giao chỉ tiêu tiết kiệm chi ngân sách 9 tháng còn lại năm 2020 đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch Covid-19; Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt danh sách và mức kinh phí hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn huyện Bắc Yên năm 2020 đợt 1;

Xét Tờ trình số 1073/TTr-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-BKTXH ngày 29/6/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách bổ sung năm 2020 như sau:

I. Dự toán thu, chi ngân sách bổ sung năm 2020: 742.300.000 đồng

1.1 Thu các khoản huy động, đóng góp: 409.300.000 đồng.

Các khoản huy động, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng: 409.300.000 đồng.

1.2. Dự toán thu ngân sách bổ sung năm 2020: 333.000.000 đồng.

Thu bổ sung có mục tiêu: 333.000.000 đồng.

2. Dự toán chi ngân sách bổ sung năm 2020: 742.300.000 đồng.

Chi ngân sách cấp xã: 742.300.000 đồng.

- Chi thường xuyên:

409.300.000 đồng.

- Chi chương trình MTQGGN bền vững (CT 30a): 333.000.000 đồng.

II. Phương án phân bổ ngân sách bổ sung năm 2020: Chi ngân sách cấp xã Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Vốn sự nghiệp)

Tiểu dự án 1: Dạy tu, bảo dưỡng các công trình, Chương trình 30a thuộc CTMTQG giảm nghèo: 333.000.000 đồng.

III. Phương án phân bổ nguồn ủng hộ xóa nhà tạm, giảm nghèo năm 2020 theo Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND huyện Bắc Yên và nguồn vốn tài trợ của Tập đoàn Bảo Việt: 409.300.000 đồng.

IV. Phương án tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng còn lại năm 2020 theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Sơn La: 2.033.000.000 đồng.

(có phụ biểu chi tiết số 01, 02, 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Bắc Yên khóa XVII, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Nơi nhận

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh; Cổng TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TC-KH, 125 bản.

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Là

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH BỔ SUNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 2/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên) ✓

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung năm 2020	Ghi chú
A	B	C	D
I	Nguồn thu ngân sách	742.300.000	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	-	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	333.000.000	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	333.000.000	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)		
4	Thu kết dư		
5	Các khoản huy động, đóng góp	409.300.000	
II	Ngân sách xã	742.300.000	
1	Chi thường xuyên	409.300.000	
	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn huyện Bắc Yên	310.000.000	
	Hỗ trợ thực hiện Công trình: Kè, cống thoát nước đường xuống trạm y tế xã Chìm Vàn từ nguồn vốn tài trợ của Tập đoàn Bảo Việt	99.300.000	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	333.000.000	
	Dự án 1: Chương trình 30a (Vốn sự nghiệp) - Duy tu, bảo dưỡng	333.000.000	

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Lày

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN
VỮNG NĂM 2020 (BỔ SUNG)**

Dự án 1: Chương trình 30a - Tiểu dự án 1: Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng

Mã CTMT: 0022

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 2/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên) ✓

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị/Chủ đầu tư	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	333.000.000	
1	UBND xã Phiêng Ban	21.800.000	
2	UBND xã Hồng Ngài	22.500.000	
3	UBND xã Song Pe	21.700.000	
4	UBND xã Tạ Khoa	22.000.000	
5	UBND xã Mường Khoa	21.800.000	
6	UBND xã Hua Nhàn	22.500.000	
7	UBND xã Chiềng Sại	22.000.000	
8	UBND xã Phiêng Côn	22.500.000	
9	UBND xã Chim Vàn	22.000.000	
10	UBND xã Pắc Ngà	21.800.000	
11	UBND xã Tà Xùa	22.000.000	
12	UBND xã Háng Đồng	23.400.000	
13	UBND xã Làng Chếu	22.000.000	
14	UBND xã Xím Vàng	22.500.000	
15	UBND xã Hang Chú	22.500.000	

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Lày

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN ỦNG HỘ XÓA NHÀ TẠM, GIẢM NGHÈO, NGUỒN
VỐN TÀI TRỢ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 2/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên) ✓

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	409.300.000	
I	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn huyện Bắc Yên	310.000.000	
	<i>UBND Thị Trấn</i>	<i>40.000.000</i>	
	<i>UBND xã Chiềng Sại</i>	<i>240.000.000</i>	
	<i>UBND xã Làng Chếu</i>	<i>30.000.000</i>	
II	Nguồn vốn tài trợ của Tập đoàn Bảo Việt	99.300.000	
	UBND xã Chim Vàn	99.300.000	
	<i>Hỗ trợ thực hiện Công trình: Kè, cống thoát nước đường xuống trạm y tế xã Chim Vàn từ nguồn vốn tài trợ của Tập đoàn Bảo Việt</i>	<i>99.300.000</i>	<i>✓</i>

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Lày

BIỂU TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN 9 THÁNG CUỐI NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 2/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên) ✓

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Chương - Khoản	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
	Tổng cộng			2.033.000	
A	Cấp huyện			1.817.000	
I	Chi quản lý hành chính			1.172.100	
	<i>* Chi quản lý hành chính</i>			<i>799.200</i>	
	<i>* Khối đăng</i>			<i>89.300</i>	
1	Văn phòng Huyện ủy			89.300	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	709-351	89.300	
	<i>* Chi quản lý nhà nước</i>			<i>227.100</i>	
1	Văn phòng HĐND - UBND huyện			119.800	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	605-341	119.800	
2	Phòng Văn hóa và Thông tin			5.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	625-341	5.900	
3	Phòng Tài nguyên - Môi trường			10.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	626-341	10.900	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch			13.800	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	618-341	13.800	
5	Thanh tra huyện			5.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	637-341	5.900	
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			10.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	620-341	10.900	
7	Phòng Tư pháp			5.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	614-341	5.900	
8	Phòng Y tế			3.000	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	623-341	3.000	
9	Phòng Dân tộc			4.500	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	683-341	4.500	

TT	Nội dung	Mã nguồn	Chương - Khoản	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
10	Phòng Lao động TB&XH			12.400	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	624-341	12.400	
11	Phòng Nội vụ			10.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	635-341	10.900	
12	Phòng Nông nghiệp và PTNT			10.900	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	612-341	10.900	
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo			12.300	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	622-341	12.300	
	* Khối đoàn thể, các hội			56.500	
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện			13.800	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	710-361	13.800	
2	Huyện đoàn TNCSHCM			8.400	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	711-361	8.400	
3	Hội liên hiệp phụ nữ huyện			9.400	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	712-361	9.400	
4	Hội Nông dân huyện			9.700	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	713-361	9.700	
5	Hội cựu chiến binh huyện			6.200	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13	714-361	6.200	
6	Hội người cao tuổi			2.600	
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	13	718-362	2.600	
7	Hội khuyến học			1.300	
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	724-362	1.300	
8	Hội chữ thập đỏ			1.300	
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	717-362	1.300	
9	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi			3.800	
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	723-362	3.800	
II	Trung tâm chính trị			59.200	
	Kinh phí chi thường xuyên	13	709-083	7.000	
	Kinh phí chi không thường xuyên	12	709-083	52.200	
III	Chi sự nghiệp kinh tế			20.700	
1	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp			20.700	
	Kinh phí chi thường xuyên	13	612-281	20.700	

TT	Nội dung	Mã nguồn	Chương - Khoản	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
IV	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa			92.100	
1	Sự nghiệp văn hóa		799-161	25.100	
	Kinh phí chi thường xuyên	13		10.200	
	Kinh phí chi không thường xuyên	12		14.900	
2	Sự nghiệp thể thao		799-221	7.900	
	Kinh phí chi thường xuyên	13		1.100	
	Kinh phí chi không thường xuyên	12		6.800	
3	Sự nghiệp Truyền hình			59.100	
	Kinh phí chi thường xuyên	13	799-191	59.100	
V	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo			472.900	
	Kinh phí chi thường xuyên			472.900	
1	Hệ Mầm Non	13	622-071	113.600	
	Trường MN Hoa Ban Thị Trấn			12.400	
	Trường MN Ban Mai xã Phiêng Ban			8.000	
	Trường MN xã Hồng Ngài			6.800	
	Trường MN xã Tà Xùa			6.100	
	Trường MN xã Làng Chếu			7.300	
	Trường MN xã Xím Vàng			5.400	
	Trường MN Bình Minh xã Hang Chú			6.900	
	Trường MN Hoa Đào xã Háng Đồng			5.600	
	Trường MN xã Song Pe			6.500	
	Trường MN Hoa Mi xã Mường Khoa			7.400	
	Trường MN Ánh Sao xã Tạ Khoa			5.800	
	Trường MN Ánh Dương xã Hua Nhàn			6.900	
	Trường MN Vàng Anh xã Chim Vàn			8.900	
	Trường MN Hướng Dương xã Pắc Ngà			8.600	
	Trường MN Sơn Ca xã Phiêng Côn			4.600	
	Trường MN Hoa Phượng xã Chiềng Sại			6.400	
2	Hệ Tiểu học	13	622-072	273.900	
	Trường Tiểu học và THCS Thị Trấn			26.400	
	Trường Tiểu học Phiêng Ban			20.500	
	Trường Tiểu học và THCS Hồng Ngài			26.200	

TT	Nội dung	Mã nguồn	Chương - Khoản	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
	Trường Tiểu Học-THCS xã Tà Xùa			19.500	
	Trường Tiểu học xã Làng Chếu			12.800	
	Trường TH -THCS xã Xím Vàng			17.300	
	Trường PTDTBT Tiểu Học xã Hang Chú			13.600	
	Trường TH - THCS xã Háng Đồng			19.300	
	Trường Tiểu học xã Song Pe			15.100	
	Trường Tiểu học xã Mường Khoa			15.200	
	Trường Tiểu Học xã Tạ Khoa			10.700	
	Trường PTDTBT Tiểu Học Hua Nhân			18.200	
	Trường Tiểu Học xã Chim Vàn			16.600	
	Trường Tiểu Học xã Pắc Ngà			17.200	
	Trường Tiểu Học -THCS xã Phiêng Cồn			12.500	
	Trường Tiểu Học xã Chiềng Sại			12.800	
3	HỆ THCS	13	622-073	85.400	
	Trường THCS xã Phiêng Ban			7.800	
	Trường THCS xã Làng Chếu			7.400	
	Trường PTDTBT THCS xã Hang Chú			8.700	
	Trường THCS xã Song Pe			8.500	
	Trường THCS xã Mường Khoa			7.400	
	Trường THCS xã Tạ Khoa			8.100	
	Trường PTDTBT THCS xã Hua Nhân			8.900	
	Trường THCS xã Chim Vàn			8.900	
	Trường THCS xã Pắc Ngà			11.800	
	Trường PTDTBT THCS xã Chiềng Sại			7.900	
B	Cấp xã			216.000	
1	UBND Thị Trấn			13.500	
2	UBND xã Phiêng Ban			13.500	
3	UBND xã Song Pe			13.500	
4	UBND xã Chim Vàn			13.500	
5	UBND xã Pắc Ngà			13.500	
6	UBND xã Hồng Ngài			13.500	
7	UBND xã Mường Khoa			13.500	
8	UBND xã Tạ Khoa			13.500	
9	UBND xã Chiềng Sại			13.500	
10	UBND xã Phiêng Cồn			13.500	

TT	Nội dung	Mã nguồn	Chương - Khoản	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 9 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
11	UBND xã Tà Xùa			13.500	
12	UBND xã Làng Chếu			13.500	
13	UBND xã Xím Vàng			13.500	
14	UBND xã Hang Chú			13.500	
15	UBND xã Hua Nhàn			13.500	
16	UBND xã Háng Đồng			13.500	



CHỦ TỊCH

Lữ Văn Lây